

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **49/2020/HNGĐ – ST**

Ngày: 24/9/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lâm Ngọc Hà
- Ông Nguyễn Văn Ngư

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2020/TLST – HNGĐ ngày 26/6/2020; Về việc: *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2020/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Sơn Sô P, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 292, ấp T, xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lý Thị Bồ Q, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 11, ấp T, thị trấn C, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2019, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn anh Sơn Sô P trình bày:*

Anh Sơn Sô P với chị Lý Thị Bồ Q cưới nhau năm 2011, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, được sự chấp thuận của gia đình hai bên, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61/2011 – Quyền số 01, ngày 07/3/2011. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình anh Sô P được khoảng 01 tháng, không biết lý do gì chị Q bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, anh P đã nhiều lần qua gia đình chị Q kêu về gia đình chồng ở nhưng chị Q không chịu về. Đến khoảng tháng 05 năm 2011, anh với chị Q chính thức sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân hơn 09 năm, giữa anh với chị Q không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, hai bên không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm với nhau, nên nay

anh P yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với chị Q theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh P với chị Q không có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lý Thị Bồ Q được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh P và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn chị Lý Thị Bồ Q. Xét thấy, chị Lý Thị Bồ Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Lý Thị Bồ Q theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Sơn Sô P với chị Lý Thị Bồ Q cưới nhau năm 2011, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo anh P trình bày, sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình anh Sô P được khoảng hơn 01 tháng, không biết lý do gì chị Q bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, anh đã nhiều lần kêu chị Q về nhà cha mẹ chồng ở nhưng chị Q không về, nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh với chị Q không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, đã ly thân hơn 09 năm nên hai bên không còn tình cảm và quan tâm đến nhau, nên anh P nộp đơn xin ly hôn với chị Q. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Anh Sơn Sô P với chị Lý Thị Bồ Q cưới nhau năm 2011, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61/2011 – Quyển số 01, ngày 07/3/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh P với chị Q là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, theo anh P trình bày, sau khi cưới anh với chị Q sống chung được khoảng hơn 01 tháng bên gia đình anh P, không biết lý do gì chị Q bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, anh đã nhiều lần kêu chị Q quay trở về nhưng chị Q không về, nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 09 năm. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh P đối với chị Q thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa anh P với chị Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và tại phiên Tòa hôm nay anh P cương quyết xin ly hôn với chị Q vì theo anh là hai bên không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm đến nhau, đã sống ly thân hơn 09 năm và bị đơn chị Q cũng không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh P nên Hội đồng xét xử thống nhất áp

dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Sơn Sô P đối với chị Lý Thị Bồ Q.

[4] Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 anh Sơn Sô P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Anh Sơn Sô P được ly hôn với chị Lý Thị Bồ Q.

2/ Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn anh Sơn Sô P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005150 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, như vậy anh P đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn chị Lý Thị Bồ Q vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha